KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2018 - 2019
ĐẠI HỌC HÓA 11 CHẤT LƯỢNG CAO

Mã LHP	Lớp học	Môn học	Nhóm	Thứ	Tiết	LT	TH	S.số	Giảng viên	Phòng học	Danh sách GV	Quyết định
250443101	DHHO11ATT	Kỹ thuật xúc tác (60;0)		2	9 - 10	24		0	Võ Thành Công	B1.02 CLC	33	
250443101	DHHO11ATT	Kỹ thuật xúc tác (60;0)		4	8 - 10	36		0	Võ Thành Công	B2.04 CLC	33	
250446602	DHHO11ATT	Thực hành quá trình và thiết bị hóa học (0;90)	2	4	1 - 5		45	0	Trương Văn Minh	F3.03(QTTB truyền nhiệt)	21	
250446602	DHHO11ATT	Thực hành quá trình và thiết bị hóa học (0;90)	2	6	1 - 5		45	0	Trương Văn Minh	F3.03(QTTB truyền nhiệt)	21	
250444601	DHHO11ATT	Tổng hợp hữu cơ (60;0)		2	6 - 8	36		0	Trần Thị Hồng	B1.02 CLC	33	
250444601	DHHO11ATT	Tổng hợp hữu cơ (60;0)		4	6 - 7	24		0	Trần Thị Hồng	B2.04 CLC	33	
250445401	DHHO11ATT	Chuyên đề Thí nghiệm Tổng hợp vật liệu (0;120)	1	5	6 - 10		60	0	Trần Hữu Hải	F0.05	17	
250445401	DHHO11ATT	Chuyên đề Thí nghiệm Tổng hợp vật liệu (0;120)	1	6	6 - 10		60	0	Lê Trọng Thành	F0.03	17	
250445402	DHHO11ATT	Chuyên đề Thí nghiệm Tổng hợp vật liệu (0;120)	2	3	6 - 10		60	0	Hoàng Minh Sơn	F0.05	13	
250445402	DHHO11ATT	Chuyên đề Thí nghiệm Tổng hợp vật liệu (0;120)	2	5	6 - 10		60	0	Lê Trọng Thành	F0.03	13	
250443102	DHHO11BTT	Kỹ thuật xúc tác (60;0)		2	6 - 8	36		0	Võ Thành Công	B1.03 CLC	8	Hủy chuyển SV về lớp khác
250443102	DHHO11BTT	Kỹ thuật xúc tác (60;0)		4	6 - 7	24		0	Võ Thành Công	B2.05 CLC	8	Hủy chuyển SV về lớp khác
250446604	DHHO11BTT	Thực hành quá trình và thiết bị hóa học (0;90)	1	3	1 - 5		45	0	Trần Hoài Đức	F3.05(QTTB truyền khối)	4	Hủy chuyển SV về lớp khác
250446604	DHHO11BTT	Thực hành quá trình và thiết bị hóa học (0;90)	1	5	1 - 5		45	0	Trần Hoài Đức	F3.05(QTTB truyền khối)	4	Hủy chuyển SV về lớp khác
250446605	DHHO11BTT	Thực hành quá trình và thiết bị hóa học (0;90)	2	4	1 - 5		45	0	Lê Nhất Thống	F3.05(QTTB truyền khối)	19	
250446605	DHHO11BTT	Thực hành quá trình và thiết bị hóa học (0;90)	2	6	1 - 5		45	0	Lê Nhất Thống	F3.05(QTTB truyền khối)	19	
250444602	DHHO11BTT	Tổng hợp hữu cơ (60;0)		2	9 - 10	24		0	Nguyễn Văn Sơn	B1.03 CLC	8	Hủy chuyển SV về lớp khác
250444602	DHHO11BTT	Tổng hợp hữu cơ (60;0)		4	8 - 10	36		0	Nguyễn Văn Sơn	B2.05 CLC	8	Hủy chuyển SV về lớp khác
250445403	DHHO11BTT	Chuyên đề Thí nghiệm Tổng hợp vật liệu (0;120)	1	6	1 - 5		60	0	Võ Thành Công	F0.03	4	Hủy chuyển SV về lớp khác
250445403	DHHO11BTT	Chuyên đề Thí nghiệm Tổng hợp vật liệu (0;120)	1	6	6 - 10		60	0	Hoàng Minh Sơn	F0.05	4	Hủy chuyển SV về lớp khác
250445404	DHHO11BTT	Chuyên đề Thí nghiệm Tổng hợp vật liệu (0;120)	2	2	1 - 5		60	0	Hoàng Thị Thanh	F0.03	19	
250445404	DHHO11BTT	Chuyên đề Thí nghiệm Tổng hợp vật liệu (0;120)	2	5	1 - 5		60	0	Lê Nhất Thống	F0.05	19	
250443103	DHHO11CTT	Kỹ thuật xúc tác (60;0)		4	1 - 3	36		0	Triệu Quang Tiến	B2.04 CLC	17	
250443103	DHHO11CTT	Kỹ thuật xúc tác (60;0)		6	1 - 2	24		0	Triệu Quang Tiến	B3.10 CLC	17	
250446607	DHHO11CTT	Thực hành quá trình và thiết bị hóa học (0;90)	1	2	6 - 10		45	0	Trần Hoài Đức	F3.05(QTTB truyền khối)	7	Hủy chuyển SV về lớp khác

Mã LHP	Lớp học	Môn học	Nhóm	Thứ	Tiết	LT	TH	S.số	Giảng viên	Phòng học	Danh sách GV	Quyết định
250446607	DHHO11CTT	Thực hành quá trình và thiết bị hóa học (0;90)	1	4	6 - 10		45	0	Trần Hoài Đức	F3.05(QTTB truyền khối)	7	Hủy chuyển SV về lớp khác
250446608	DHHO11CTT	Thực hành quá trình và thiết bị hóa học (0;90)	2	3	6 - 10		45	0	Nguyễn Hữu Trung	F3.05(QTTB truyền khối)	1	Hủy chuyển SV về lớp khác
250446608	DHHO11CTT	Thực hành quá trình và thiết bị hóa học (0;90)	2	6	6 - 10		45	0	Nguyễn Hữu Trung	F3.05(QTTB truyền khối)	1	Hủy chuyển SV về lớp khác
250444603	DHHO11CTT	Tổng hợp hữu cơ (60;0)		4	4 - 5	24		0	Nguyễn Thị Nhật Thắng	B2.04 CLC	27	
250444603	DHHO11CTT	Tổng hợp hữu cơ (60;0)		6	3 - 5	36		0	Nguyễn Thị Nhật Thắng	B3.10 CLC	27	
250445405	DHHO11CTT	Chuyên đề Thí nghiệm Tổng hợp vật liệu (0;120)	1	3	1 - 5		60	0	Trần Hữu Hải	F0.05	17	
250445405	DHHO11CTT	Chuyên đề Thí nghiệm Tổng hợp vật liệu (0;120)	1	5	1 - 5		60	0	Hoàng Thị Thanh	F0.03	17	
250445406	DHHO11CTT	Chuyên đề Thí nghiệm Tổng hợp vật liệu (0;120)	2	2	6 - 10		60	0	Lê Nhất Thống	F0.03	25	
250445406	DHHO11CTT	Chuyên đề Thí nghiệm Tổng hợp vật liệu (0;120)	2	3	1 - 5		60	0	Hoàng Thị Thanh	F0.05	25	
250441204	DHHO11DTT	Công nghệ sản xuất phân bón (60;0)		3	9 - 10	24		0	Phạm Thành Tâm	B2.01 CLC	33	
250441204	DHHO11DTT	Công nghệ sản xuất phân bón (60;0)		5	8 - 10	36		0	Phạm Thành Tâm	B2.07 CLC	33	
250443104	DHHO11DTT	Kỹ thuật xúc tác (60;0)		3	6 - 8	36		0	Nguyễn Thị Liễu	B2.01 CLC	46	
250443104	DHHO11DTT	Kỹ thuật xúc tác (60;0)		5	6 - 7	24		0	Nguyễn Thị Liễu	B2.07 CLC	46	
250443804	DHHO11DTT	Phân tích vật liệu (60;0)		4	6 - 8	36		0	Lộ Nhật Trường	B2.06 CLC	34	
250443804	DHHO11DTT	Phân tích vật liệu (60;0)		6	6 - 7	24		0	Lộ Nhật Trường	B2.03 CLC	34	
250446610	DHHO11DTT	Thực hành quá trình và thiết bị hóa học (0;90)	1	4	1 - 5		45	0	Nguyễn Minh Tiến	F3.04 (các QTTB cơ bản)	1	Hủy chuyển SV về lớp khác
250446610	DHHO11DTT	Thực hành quá trình và thiết bị hóa học (0;90)	1	6	1 - 5		45	0	Nguyễn Minh Tiến	F3.04 (các QTTB cơ bản)	1	Hủy chuyển SV về lớp khác
250446611	DHHO11DTT	Thực hành quá trình và thiết bị hóa học (0;90)	2	2	1 - 5		45	0	Cao Xuân Thắng	F3.05(QTTB truyền khối)	28	
250446611	DHHO11DTT	Thực hành quá trình và thiết bị hóa học (0;90)	2	5	1 - 5		45	0	Cao Xuân Thắng	F3.04 (các QTTB cơ bản)	28	
250446601	DHHO11ATT, TH QTTB, N1	Thực hành quá trình và thiết bị hóa học (0;90)	1	3	1 - 5		45	67	Võ Thanh Hưởng	F3.04 (các QTTB cơ bản)	23	
250446601	DHHO11ATT, TH QTTB, N1	Thực hành quá trình và thiết bị hóa học (0;90)	1	5	1 - 5		45	67	Võ Thanh Hưởng	F3.03(QTTB truyền nhiệt)	23	
250440204	DHHO11DTT, An mon BVVL	Ăn mòn và bảo vệ vật liệu (60;0)		4	9 - 10	24		61	Đoàn Mạnh Tuấn	B2.06 CLC	22	
250440204	DHHO11DTT, An mon BVVL	Ăn mòn và bảo vệ vật liệu (60;0)		6	8 - 10	36		61	Đoàn Mạnh Tuấn	B2.03 CLC	22	